

Phụ lục XIII/ Appendix XIII

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

Công ty TNHH Bảo Hiểm  
Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam

Số: 016/TB-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Hồ Chí Minh city, ngày 28 tháng 01 năm 2026  
Ho Chi Minh city, day 28 month 01 year 2026

**THÔNG BÁO**

**Giao dịch chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**  
**NOTICE OF TRANSACTION IN FUND CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("DFVN").  
To: - The State Securities Commission;  
- Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Ltd. ("DFVN")

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ Information on individual/organisation conducting the transaction:

- Tên tổ chức/ Name of organisation: **CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM / DAI-ICHI LIFE INSURANCE COMPANY OF VIETNAM, LIMITED**

- Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam / Vietnam**

- Số CCCD, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue: **Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ Kế hoạch Đầu tư cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007 / Investment License No. 2134/GP by Ministry of Planning and Investment issued on 12/10/1999 and Amendment License No. 14/GPDC10/KDBH by Ministry of Finance issued on 18/01/2007**



- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact address/address of head office*: **149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP. HCM / 149-151 Nguyen Van Troi, Phu Nhuan ward, Ho Chi Minh city**

- Điện thoại/ *Telephone*: **(+84) 028 3810 0888** Fax: **(+84) 028 3997 3000** Email: **customer.services@dai-ichi-life.com.vn** Website: **https://dai-ichi-life.com.vn/**

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: **Công ty mẹ sở hữu 100% vốn chủ sở hữu / Parent company owns 100% of the equity.**

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund)*:

|                                                                                                                                                                    |                                                                                                        |                                                                                                            |                                                                                                 |                                                                                         |                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Họ và tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i>                                                                                                           | Trần Đình Quân / <i>Tran Dinh Quan</i>                                                                 | Ng Kiam Wee                                                                                                | Đặng Hồng Hải / <i>Dang Hong Hai</i>                                                            | Yoshihito Takahama                                                                      | Kenji Yamakoshi                                                                                                              |
| - Quốc tịch/ <i>Nationality</i>                                                                                                                                    | Việt Nam / <i>Vietnam</i>                                                                              | Singapore                                                                                                  | Việt Nam / <i>Vietnam</i>                                                                       | Nhật Bản / <i>Japanese</i>                                                              | Nhật Bản / <i>Japanese</i>                                                                                                   |
| - Số CCCD, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ <i>ID card/Passport No</i>                                                                                                      |                                                                                                        |                                                                                                            |                                                                                                 |                                                                                         |                                                                                                                              |
| - Địa chỉ thường trú/ <i>Permanent address</i>                                                                                                                     |                                                                                                        |                                                                                                            |                                                                                                 |                                                                                         |                                                                                                                              |
| - Điện thoại liên hệ/ <i>Telephone</i>                                                                                                                             |                                                                                                        |                                                                                                            |                                                                                                 |                                                                                         |                                                                                                                              |
| - Fax:                                                                                                                                                             | N/A                                                                                                    | N/A                                                                                                        | N/A                                                                                             | N/A                                                                                     | N/A                                                                                                                          |
| - Email:                                                                                                                                                           |                                                                                                        |                                                                                                            |                                                                                                 |                                                                                         |                                                                                                                              |
| - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ <i>Current position in the public company, the fund management company</i>                          | Chủ tịch Hội đồng Thành viên của DFVN / <i>Chairman of the Member's Council of DFVN</i>                | Thành viên Hội đồng Thành viên của DFVN/ <i>Member of the Member's Council of DFVN</i>                     | Thành viên Hội đồng Thành viên của DFVN / <i>Member of the Member's Council of DFVN</i>         | Thành viên Hội đồng Thành viên của DFVN / <i>Member of the Member's Council of DFVN</i> | Kiểm soát viên của DFVN / <i>Inspector of DFVN</i>                                                                           |
| - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ <i>Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person</i> | Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam / <i>Chairman of</i> | Thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam / <i>Member of the</i> | Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam / <i>General Director of</i> | Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Phó Tổng Giám đốc Hành Chính Tổng Hợp của Công ty      | Kiểm soát viên của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam / <i>Inspector of Dai-ichi Life Insurance Company of</i> |



|                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                    |                                                                       |                                                                                                                                    |                                                                                                                                                        |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                 | <i>the Member's Council of Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited</i> | <i>Council of Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited</i> | <i>Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Limited</i>                                                                         | <i>TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam / Deputy General Director cum Chief General Officer of Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam Ltd.</i> | <i>Vietnam, Limited</i> |
| - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/<br><i>Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any)</i> | Không / None                                                                       | Không / None                                                          | 18.740,48 Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF chiếm tỷ lệ <u>0,1880</u> % / 18,740.48 Fund Certificates of DFVN-CAF account for <u>0.1880</u> % | Không / None                                                                                                                                           | Không / None            |

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code: DFVN- CAF*

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Underlying securities code (for covered warrants):*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3 / *Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above: .....* tại công ty chứng khoán/*In the securities company: Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam / Fund Certificates transaction account at Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Ltd.*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction: 3.181.324,91 Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF chiếm tỷ lệ 31,9238% / 3,181,324.91 Fund Certificates of DFVN-CAF account for 31.9238%*

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/ *Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/ *Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:*  
**Bán / Sell**

*fu*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*: **1.237.181,91 Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF/ 1,237,181.91 Fund Certificates of DFVN-CAF**

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/ *The expected value of transaction (which calculated based on par value)*: **12.371.819.100 VNĐ (Mười hai tỷ ba trăm bảy mươi một triệu tám trăm mười chín ngàn một trăm Việt Nam đồng) / VND 12,371,819,100 (Twelve billion three hundred seventy-one million eight hundred nineteen thousand one hundred Vietnam dong)**

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants)*:

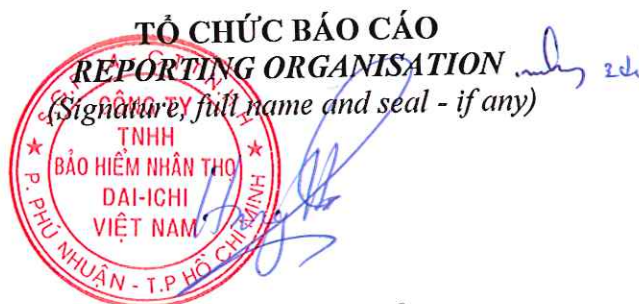
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction*: **1.944.143 Chứng chỉ Quỹ DFVN-CAF / 1,944,143 Fund Certificates of DFVN-CAF**

9. Mục đích thực hiện giao dịch/ *Purpose of transaction*: **Thực hiện giao dịch phù hợp với phê duyệt nội bộ / Execute the transaction in accordance with internal approval**

10. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction*: **Đặt lệnh bán tại DFVN (DFVN: thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ do mình quản lý) / Place redemption order at DFVN (DFVN: distributes the Fund Certificates managed by itself)**

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Expected trading time*: **từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 30/12/2026 đến Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 31/12/2026 / from the Transaction Date of Fund Certificate 30/12/2026 to the Transaction Date of Fund Certificate 31/12/2026**

\* Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ *Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice*.



**ĐẶNG HỒNG HẢI**  
**Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ**  
**Dai-ichi Việt Nam**  
**General Director of Dai-ichi Life Insurance Company**  
**of Vietnam, Limited**